ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2457/QĐ-UBND	*Krông Nô, ngày 08 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Công bố mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo cải cách hành chính và Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO huyện Krông Nô.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô trong năm 2020. Hệ thống tài liệu bao gồm: 09 thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng và 232 Quy trình giải quyết TTHC *(có danh mục kèm theo)*.

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị của Ủy ban nhân dân có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn cán bộ, công chức triển khai thực hiện theo đúng các quy trình, quy định của hệ thống tài liệu trên.

Quyết định này thay thế Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND huyện Krông Nô về việc ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. BCĐ CCHC&ISO; Chánh Văn phòng HĐND&UBND; Trưởng các phòng, ban chuyên môn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Đăk Nông;
- Sở KH&CN;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban trực thuộc huyện;
- BCĐ CCHC&ISO;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ T. ĐẮK NÔNG

Trần Đăng Anh

DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1	Chính sách chất lượng	CSCL	01	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-04	01	
8	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01	
9	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
II. Quy trình giải quyết TTHC				
A.	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**			
1	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT.GDĐT.01	01	
2	Cho phép mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.02	01	
3	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDĐT.03	01	
4	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ	QT.GDĐT.04	01	
5	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT.GDĐT.05	01	
6	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.06	01	

7	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	QT.GDĐT.07	01	
8	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GDĐT.08	01	
9	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng tại xã, thị trấn	QT.GDĐT.09	01	
10	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, thị trấn	QT.GDĐT.10	01	
11	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT.GDĐT.11	01	
12	Cho phép trường THCS hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.12	01	
13	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	QT.GDĐT.13	01	
14	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	QT.GDĐT.14	01	
15	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT.GDĐT.15	01	
16	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT.GDĐT.16	01	
17	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GDĐT.17	01	
18	Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục	QT.GDĐT.18	01	
19	Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục	QT.GDĐT.19	01	
20	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ tư thục	QT.GDĐT.20	01	
21	Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục	QT.GDĐT.21	01	
22	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS	QT.GDĐT.22	01	
23	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS	QT.GDĐT.23	01	
24	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT.GDĐT.24	01	
25	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.25	01	

26	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT.GDĐT.26	01	
27	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	QT.GDĐT.27	01	
28	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT.GDĐT.28	01	
29	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	QT.GDĐT.29	01	
30	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GDĐT.30	01	
31	Đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	QT.GDĐT.31	01	
32	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	QT.GDĐT.32	01	
33	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo trong độ tuổi 3-4 tuổi	QT.GDĐT.33	01	
34	Xét cấp kinh phí hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên	QT.GDĐT.34	01	
35	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GDĐT.35	01	
36	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.36	01	
37	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.37	01	
38	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.38	01	
39	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.39	01	
40	Cho phép mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.40	01	
B.	**LĨNH VỰC NN&PTNT**			
1	Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới	QT.PNN.01	01	
2	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	QT.PNN.02	01	
3	Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	QT.PNN.03	01	

4	Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh	QT.PNN.04	01	
5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở SXKD nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận kinh tế trang trại và cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ	QT.PNN.08	01	
6	Cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho các cơ sở SXKD nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP do cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận kinh tế trang trại và cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ	QT.PNN.09	01	
7	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	QT.PNN.10	01	
8	Điều chỉnh hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	QT.PNN.11	01	
C.	**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**			
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.01	02	
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.02	02	
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.03	02	
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.04	02	
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.05	02	
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.06	02	
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.07	02	
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	QT.TP.08	02	
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	QT.TP.09	02	

10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	QT.TP.10	02	
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	QT.TP.11	02	
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.12	02	
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	QT.TP.13	02	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.14	02	
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.	QT.TP.15	02	
16	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch.	QT.TP.16	02	
17	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực thể không ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TP.17	02	
18	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.18	02	
19	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.19	02	
20	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.20	02	
21	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền	QT.TP.21	02	

	của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận			
22	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TP.22	02	
23	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TP.23	02	
24	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TP.24	02	
25	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.25	02	
26	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.26	02	
27	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.27	02	
28	Phục hồi danh dự	QT.TP.28	01	
29	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP.29	01	
30	Công nhận báo cáo viên pháp luật	QT.TP.30	01	
31	Miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật	QT.TP.31	01	
32	Thực hiện hỗ trợ khi Hòa giải viên gặp tai nạn rủi ro, ảnh hưởng đến sức khỏa, tinh mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	QT.TP.32	01	
D.	**LĨNH VỰC Y TẾ**			
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	QT.PYT.01	01	
E.	**LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG, TÔN GIÁO**			
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.PNV.01	01	
2	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	QT.PNV.02	01	
3	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT.PNV.03	01	

4	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.PNV.04	01	
5	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT.PNV.05	01	
6	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	QT.PNV.06	01	
7	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.PNV.07	01	
8	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.PNV.08	01	
9	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.PNV.09	01	
F.	**LĨNH VỰC THANH TRA**			
1	Tiếp công dân	QT.TT.01	01	
2	Xử lý đơn thư	QT.TT.02	01	
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.TT.03	01	
4	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT.TT.04	01	
5	Giải quyết tố cáo	QT.TT.05	01	
6	Kê khai tài sản, thu nhập cấp huyện, cấp xã	QT.TT.06	01	
7	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cấp huyện, cấp xã	QT.TT.07	01	
8	Xác minh khê khai tài sản, thu nhập cấp huyện, cấp xã	QT.TT.08	01	
9	Thực hiện việc tiếp nhận yêu cầu giải trình cấp huyện, cấp xã	QT.TT.09	01	
10	Thực hiện việc giải trình cấp huyện, cấp xã	QT.TT.10	01	
G.	**LĨNH VỰC LĐTBXH**			
1	Thủ tục hỗ trợ nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT.LĐTBXH.01	01	
2	Thủ tục hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT.LĐTBXH.02	01	
3	Thủ tục điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã	QT.LĐTBXH.03	01	

	hội hàng tháng			
4	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng tại nơi cư trú hoặc ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐTBXH.04	01	
5	Thủ tục tiếp nhận đối tượng BHXH có hoàn cảnh đặc biệt vào Trung tâm BTXH	QT.LĐTBXH.05	01	
6	Thủ tục hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn người thân thích chăm sóc	QT.LĐTBXH.06	01	
7	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐTBXH.07	01	
8	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã thuộc tỉnh	QT.LĐTBXH.08	01	
9	Thủ tục hỗ trợ mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.LĐTBXH.09	01	
10	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	QT.LĐTBXH.10	01	
11	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.LĐTBXH.11	01	
12	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.LĐTBXH.12	01	
13	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.LĐTBXH.13	01	
14	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.LĐTBXH.14	01	
15	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.LĐTBXH.15	01	
16	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.LĐTBXH.16	01	
17	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động	QT.LĐTBXH.17	01	

	cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày			
18	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.LĐTBXH.18	01	
19	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.LĐTBXH.19	01	
20	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.LĐTBXH.20	01	
21	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng đến thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	QT.LĐTBXH.21	01	
22	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.LĐTBXH.22	01	
23	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT.LĐTBXH.23	01	
24	Thủ tục giải quyết chế độ mua bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng và thân nhân	QT.LĐTBXH.24	01	
25	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh	QT.LĐTBXH.25	01	
26	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước	QT.LĐTBXH.26	01	
27	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình	QT.LĐTBXH.27	01	
28	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.LĐTBXH.28	01	

29	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyển gia sang giúp Lào, Campuchia	QT.LĐTBXH.29	01	
H.	**LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN**			
1	Cấp GCN đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.01	01	
2	Sửa đổi, bổ sung GCN đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.02	01	
3	Gia hạn GCN đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.03	01	
4	Cấp lại GCN đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.04	01	
5	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	QT.VHTT.05	01	
6	Công nhận "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa" lần đầu	QT.VHTT.06	01	
7	Công nhận "Thôn, bon, buôn văn hóa"	QT.VHTT.07	01	
8	Công nhận "Tổ dân phố văn hóa"	QT.VHTT.08	01	
9	Công nhận lần đầu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT.VHTT.09	01	
10	Công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	QT.VHTT.10	01	
11	Xét và công nhận lần đầu "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT.VHTT.11	01	
12	Xét và công nhận lại "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	QT.VHTT.12	01	
13	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QT.VHTT.13	01	
14	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.14	01	
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.15	01	
16	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT.VHTT.16	01	
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực	QT.VHTT.17	01	

	gia đình			
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.18	01	
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT.VHTT.19	01	
20	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.20	01	
21	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.21	01	
22	Thủ tục đăng ký tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.22	01	
23	Thủ tục thông báo tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.23	01	
24	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	QT.VHTT.24	01	
I.	**LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG**			
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.01	01	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.02	01	
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.03	01	
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	QT.KTHT.04	01	
5	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.05	01	
6	Cấp Giấp phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT.KTHT.06	01	
7	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, giấp phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	QT.KTHT.07	01	
8	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, giấp phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QT.KTHT.08	01	
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.09	01	
10	Cấp lại, điều chỉnh giấy chứng nhận đủ			

	điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.10	01	
11	Đấu thầu quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	QT.KTHT.11	01	
12	Lựa chọn, giao Doanh nghiệp, Hợp tác xã quản lý, kinh doanh, khai thác chợ	QT.KTHT.12	01	
13	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị	QT.KTHT.13	01	
14	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến	QT.KTHT.14	01	
15	Cấp giấy phép xây sửa chữa, cải tạo công trình/nhà ở	QT.KTHT.16	01	
16	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn	QT.KTHT.17	01	
17	Điều chỉnh, gia hạn lại giấy phép xây dựng	QT.KTHT.18	01	
18	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn Nhà nước ngoài ngân sách thuộc nhiệm vụ đầu tư của huyện).	QT.KTHT.19	01	
19	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	QT.KTHT.21	01	
20	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.22	01	
21	Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.23	01	
22	Thủ tục kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng	QT.KTHT.24	01	
K.	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH**			
1	Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh	QT.TCKH.01	01	

	doanh hộ kinh doanh			
2	Cấp thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	QT.TCKH.02	01	
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.03	01	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TCKH.04	01	
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	QT.TCKH.05	01	
6	Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã	QT.TCKH.06	01	
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.07	01	
8	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT.TCKH.08	01	
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã chia	QT.TCKH.09	01	
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã tách	QT.TCKH.10	01	
11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã hợp nhất	QT.TCKH.11	01	
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã sáp nhập	QT.TCKH.12	01	
13	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng)	QT.TCKH.13	01	
14	Giải thể tự nguyện của hợp tác xã	QT.TCKH.17	01	
15	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.18	01	
16	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.19	01	
17	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.TCKH.20	01	
18	Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.TCKH.21	01	
19	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của	QT.TCKH.22	01	

	hợp tác xã			
20	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT.TCKH.23	01	
21	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.TCKH.24	01	
22	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền cấp huyện, cấp xã ra quyết định đầu tư	QT.TCKH.25	01	
L.	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG**			
1	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT.TNVPĐ.01	01	
2	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất; đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp giấy CN	QT.TNVPĐ.02	01	
3	Đăng ký biến động trong trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kèm chỉnh lý giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân	QT.TNVPĐ.03	01	
4	Đăng ký biến động trong trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kèm cấp đổi giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân	QT.TNVPĐ.04	01	
5	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích tăng thêm do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận, trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp giấy chứng nhận	QT.TNVPĐ.05	01	
6	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích tăng thêm so	QT.TNVPĐ.06	01	

	với giấy tờ về quyền sử dụng đất, trong trường hợp diện tích đất tăng thêm chưa được cấp giấy chứng nhận			
7	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm	QT.TNVPĐ.07	01	
8	Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất	QT.TNMT.01	01	
9	Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.TNMT.02	01	
10	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (thuộc thẩm quyền của UBND huyện)	QT.VPĐ.01	01	
11	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	QT.VPĐ.02	01	
12	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT.VPĐ.03	01	
13	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo cấp đổi Giấy chứng nhận	QT.VPĐ.04	01	
14	Thủ tục đăng ký tách thửa đất kèm theo chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.VPĐ.05	01	
15	Thủ tục đăng ký chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo cấp đổi Giấy chứng nhận	QT.VPĐ.06	01	
16	Thủ tục thay đổi tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp	QT.VPĐ.07	01	
17	Tách thửa đất thành thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu đồng thời với việc xin được hợp thửa đất đó với thửa đất liền kề để tạo thành thửa đất mới có diện tích bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được tách thửa	QT.VPĐ.08	01	
18	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất	QT.VPĐ.09	01	

	không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất			
19	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT.VPĐ.10	01	
20	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	QT.VPĐ.11	01	
21	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân	QT.VPĐ.12	01	
22	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chúng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi do xác định lại diện tích đất ở trong thửa đất có vườn ao gắn liền với nhà ở; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận	QT.VPĐ.13	01	
23	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	QT.VPĐ.14	01	
24	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp "dồn điền đổi thửa"; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng	QT.VPĐ.15	01	

	thành của chung vợ và chồng			
25	Đăng ký biến động đối với trường hợp xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận	QT.VPĐ.16	01	
26	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi thông tin pháp nhân, số giấy CMND, số thẻ căn cước công dân, địa chỉ trên giấy CN đã cấp theo nhu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.VPĐ.17	01	
27	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QT.VPĐ.18	01	
28	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.VPĐ.19	01	
29	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT.VPĐ.20	01	
30	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT.VPĐ.21	01	
31	Thủ tục đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép	QT.VPĐ.22	01	
M.	**LĨNH VỰC DÂN TỘC**			
1	Hỗ trợ kinh phí cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn huyện	QT.DT.01	01	
2	Hỗ trợ lãi suất đối với gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ vay vốn phát triển sản xuất tại Ngân hàng Thương mại trên địa bàn huyện	QT.DT.02	01	
3	Giải quyết thủ tục hành chính công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện Krông Nô	QT.DT.03	01	

4	Giải quyết thủ tục hành chính đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện Krông Nô	QT.DT.04	01	
III. Quy trình quản lý nội bộ				

Tổng số có: **09** Tài liệu hệ thống;
232 Quy trình giải quyết TTHC.